

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày 26/9/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H với ông T”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Hồng Thanh;

2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 94/2019/QĐST-DS ngày 29/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1943 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Lữ Văn, xã Phúc Sơn, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Do ông Khổng Minh Phong, sinh năm 1942, nơi cư trú: Thôn Tiền Sơn, xã Phúc Sơn, huyện T, tỉnh Bắc Giang, đại diện theo ủy quyền. (theo văn bản ủy quyền lập ngày 10/4/2019, ông Phong có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Dương Văn T, sinh năm 1960 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Ngô Thị C, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Bà Ngô Thị C ủy quyền cho ông Dương Văn T (theo văn bản ủy quyền lập ngày 11/7/2019, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2019, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Trịnh Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 15/11/2011, ông T có vay của bà số tiền 231.460.000 đồng (hai trăm ba một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), khi

vay có lập giấy biên nhận đề ngày 15/11/2011, thỏa thuận về thời hạn vay thì ông T chỉ nói là vay nóng vài ngày thì trả nhưng không nói cụ thể là bao nhiêu ngày thì trả và không ghi vào giấy vay. Về lãi suất ông T tự nguyện đề suất mức lãi và ghi vào giấy vay là 2.200đ/1 triệu/ngày, bà đã nhất trí với mức lãi trên. Sau khi lập giấy vay, bà đã giao đủ cho ông T số tiền 231.460.000 đồng theo thỏa thuận. Khi vay tiền thì ông T cũng không nói mục đích vay tiền để làm gì, nhưng bà biết ông T chuyên kinh doanh cho vay lãi nên bà nghĩ ông T vay tiền của bà để cho người khác vay lại. Sau khi vay tiền thì ông T không trả tiền như cam kết nên bà đã đòi ông T nhiều lần nhưng ông T mới trả được bà làm 04 lần số tiền cụ thể của các lần là:

Ngày 24/11/2016 ông T trả được 10.000.000 đồng;

Ngày 29/12/2017 ông T trả được 3.000.000 đồng;

Ngày 27/8/2018 ông T trả được 9.000.000 đồng;

Ngày 16/01/2019 ông T trả được 10.000.000 đồng;

Tất cả các lần ông T trả tiền thì ông T đều ghi trực tiếp vào sổ ghi nợ của bà và ông T ghi nội dung là trả tiền vào số nợ gốc. Nhưng bà không đồng ý đó là trả vào gốc vì khi vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất và từ khi ông T vay tiền đến khi ông T trả tiền trên thì ông T chưa lần nào trả lãi cho bà, nên bà xác định số tiền trả trên là trả vào lãi. Bà xác định số nợ trên là nợ chung của vợ chồng ông T, bà C vì khi ông T vay tiền của bà, thì bà C không trực tiếp tham gia, nhưng bà C có biết việc ông T vay tiền của bà và khi vay tiền thì ông T bà C vẫn là vợ chồng cùng làm ăn chung. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà C cùng có trách nhiệm trả bà số tiền gốc là 231.460.000 đồng, lãi suất đến ngày 15/01/2019 là 117.291.700 đồng và tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi trả xong. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/7/2019 bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà C cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc là 231.460.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà H có mặt và ủy quyền cho ông Không Minh Phong tham gia tố tụng. Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền ông Phong vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tại bản tự khai ngày 09/6/2019 và những lời khai tiếp theo bị đơn ông Dương Văn T trình bày:

Ông với bà H có giao dịch vay tiền từ nhiều năm về trước những lần vay trước đó ông đã thanh toán đầy đủ cho bà H. Ngày 30/8/2011 ông vay của bà H số tiền là 200.000.000 đồng, khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất 2.200 đồng/01 triệu/01 ngày, sau khi vay thì ông bị ốm và phải đi bệnh viện điều trị dài ngày, đến ngày 15/11/2011, ông có ra nhà bà H để chốt nợ, khi chốt nợ thì tính được số lãi là 31.460.000 đồng, sau đó ông có viết giấy biên nhận nợ cho bà H với số tiền là 231.460.000 đồng, sau khi viết giấy biên nhận nợ với bà H thì ông bị vỡ nợ, không có khả năng thanh toán cho bà H, nên ông đã đề nghị bà H cho ông chuyển nợ cho người khác nhưng bà H không nghe. Đến ngày 24/11/2016 ông trả được cho bà H 10.000.000 đồng; Ngày 29/12/2017 ông trả được cho bà H 3.000.000 đồng; ngày 27/8/2018 ông trả được cho bà H 9.000.000 đồng; ngày 16/01/2019

ông trả được cho bà H 10.000.000 đồng. Tất cả các lần trả tiền trên ông đều thỏa thuận với bà H là cho ông trả vào gốc, khi ông trả tiền thì ông đã trực tiếp viết số tiền đã trả vào sổ ghi nợ của bà H và trừ vào số tiền gốc. Ông xác định có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng và ông đã trả được 32.000.000 đồng gốc. Nay ông chỉ nhất trí trả cho bà H số tiền 168.000.000 đồng gốc, hiện nay ông bị vỡ nợ không có khả năng thanh toán nên ông đề nghị được trả dần số tiền trên, ông không nhất trí trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay ông Dương Văn T có mặt và có ý kiến ông nhất trí trả bà H số tiền nợ gốc là 199.460.000 đồng gốc, ông không nhất trí trả lãi, ông đề nghị được trả dần số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị C trình bày: Việc ông T vay tiền của bà H như thế nào bà không biết, bà không trực tiếp vay tiền của bà H, mục đích vay tiền của ông T để làm gì bà cũng không biết, nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà cùng có trách nhiệm trả nợ ý kiến của bà là nhất trí cùng ông T trả nợ cho bà H. Do bận công việc bà ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay bà C vắng mặt.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông Dương Văn T vẫn giữ nguyên trình bày trên.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng ông T bà C cùng có trách nhiệm trả bà H số tiền gốc là 199.460.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Về án phí ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà C thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H và ông T đều trình bày giữa hai bên có lập Giấy vay tiền đề ngày 15/11/2011 do ông T viết và ký nhận. Tuy giấy vay tiền không T thuận về thời hạn trả nhưng hai bên đều thừa nhận sau khi lập giấy vay, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T mới trả được cho bà một phần tiền, lần cuối cùng ông T trả là vào ngày 16/01/2019. Đến ngày 10/4/2019, bà H khởi kiện. Hợp đồng vay thể hiện bằng Giấy biên nhận đề ngày 15/11/2011 là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn tuân theo đúng quy định tại các điều 463, 469 của Bộ luật dân sự, được các bên thỏa thuận tự nguyện giao kết, có hiệu lực thi hành. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà C vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Dương Văn T tham gia tố tụng, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền nợ gốc:

Xét yêu cầu của bà Trịnh Thị H đòi vợ chồng ông Dương Văn T, bà Ngô Thị C số tiền là 231.460.000 đồng gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T có thừa nhận có vay của bà H tiền, nhưng ông cho rằng chỉ vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng và ông đã trả được 32.000.000 đồng, nay ông chỉ còn nợ bà H số tiền 168.000.000 đồng. Nhưng trong giấy biên nhận đề ngày 15/11/2011, do ông T trực tiếp viết và ký tên thể hiện ông T vay của bà H số tiền 231.460.000 đồng, ngoài lời trình bày của ông T ra ông T không cung cấp được tài liệu gì chứng minh cho ý kiến của mình. Do đó cần xác định ngày 15/11/2011, ông T có vay của bà H số tiền 231.460.000 đồng. Sau khi vay tiền ông T đã trả cho bà H tổng số tiền là 32.000.000 đồng, khi ông trả tiền thì ông T có viết vào sổ của bà H và trừ trực tiếp vào số tiền nợ gốc, khi ông T viết nội dung trên bà H từ đó đến nay không phản đối gì. Do đó cần xác định khi ông T trả tiền bà H thì các bên đã thỏa thuận là trả gốc, tại phiên tòa hôm nay ông T cũng nhất trí trả bà H số tiền nợ gốc là 199.460.000 đồng. Do đó xác định số tiền nợ gốc mà ông T nợ bà H là 199.460.000 đồng.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Giấy vay tiền có trong hồ sơ thể hiện ông T là người viết và ký tên, bà C (vợ ông T) không ký tên vào giấy nhận nợ. Nhưng khi ông T vay tiền của bà H thì ông T với bà C là vợ chồng đang chung sống, ăn ở cùng nhau, ông T bà C không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản cũng như nghĩa vụ về tài sản. Việc ông T vay tiền của bà H là để làm ăn kinh doanh tạo nguồn thu nhập cho gia đình. Mặt khác, bà C cũng nhất trí cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà H. Do đó, xác định nghĩa vụ trả nợ trên là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông T, bà C. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do ông T, bà C không có ý thức thanh toán trả cho bà H số tiền trên mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà C thanh toán nhưng vợ chồng ông T, bà C vẫn không thanh toán nên buộc bà H phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của bà H là phù hợp. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T, bà C phải thanh toán trả cho bà H số tiền là 199.460.000 đồng.

Về lãi suất: Trong giấy biên nhận thể hiện lãi suất là 2.200 đồng/01 triệu/01 ngày, việc thỏa thuận lãi suất trên là không phù hợp với quy định của pháp luật, nay bà H yêu cầu vợ chồng ông T phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, cần áp dụng Điều 476, Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, để xác định lãi suất cụ thể:

Từ ngày 15/11/2011 đến ngày 24/11/2016, lãi suất của số tiền 231.460.000 đồng, được tính cụ thể:

- 231.460.000 đồng X 0,75%/ tháng X 1.836 ngày = 106.240.140 đồng;

Từ ngày 25/11/2016 đến ngày 01/01/2017, lãi suất của số tiền 221.460.000 đồng, được tính cụ thể:

- 221.460.000 đồng X 0,75%/ tháng X 37 ngày = 2.048.505 đồng;

Từ ngày 02/01/2017 đến ngày 29/12/2017, lãi suất của số tiền 221.460.000 đồng, được tính cụ thể:

- $221.460.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 361 \text{ ngày} = 22.118.687 \text{ đồng};$

Từ ngày 30/12/2017 đến ngày 27/8/2018, lãi suất của số tiền 218.460.000 đồng, được tính cụ thể:

- $218.460.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 240 \text{ ngày} = 14.505.744 \text{ đồng};$

Từ ngày 28/8/2018 đến ngày 16/01/2019, lãi suất của số tiền 209.460.000 đồng, được tính cụ thể:

- $209.460.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 141 \text{ ngày} = 8.171.035 \text{ đồng};$

Từ ngày 17/01/2019 đến ngày 26/9/2019, lãi suất của số tiền 199.460.000 đồng, được tính cụ thể:

- $199.460.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 252 \text{ ngày} = 13.906.351 \text{ đồng};$

Tổng số tiền lãi là: 166.990.000 đồng.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà H yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên ông T bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà C là người cao tuổi nên được miễn án phí, do đó áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Số tiền án phí được tính cụ thể như sau: $366.450.000 \times 5\% = 18.322.000 \text{ đồng}$, ông T phải chịu 9.161.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 5 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 305, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H.

1. Buộc vợ chồng ông Dương Văn T bà Ngô Thị C phải trả cho bà Trịnh Thị H số tiền 199.460.000 đồng gốc và 166.990.000 đồng lãi tổng số là 366.450.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

2. Về án phí: Ông Dương Văn T phải chịu phải chịu 9.161.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Tư Duy